

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHỊP THÀNH**

Sinh viên thực hiện: Lê Thị Na

Niên khóa: 2016 – 2020

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HIỆP THÀNH**

Sinh viên thực hiện:

Lê Thị Na

Lớp: K50C Kế toán

Niên khóa: 2016 – 2020

Giáo viên hướng dẫn:

ThS. Trần Thị Thanh Nhân

Huế, tháng 05 năm 2020

LỜI CẢM ƠN

Được có thể thực hiện được khóa luận này tôi xin gửi lời cảm ơn đến các giảng viên trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế và đặc biệt là các thầy cô thuộc khoa Kế toán – Tài chính đã truyền dạy cho tôi các kiến thức bổ ích làm nền tảng cho tôi trong quá trình thực tập.

Trong thời gian đến thực tập tại Công ty TNHH Hiệp Thành, tôi xin cảm ơn đến Ban lãnh đạo công ty, các chủ thực bộ phận kế toán đã tạo điều kiện, nhiệt tình giúp đỡ và giải đáp các thắc mắc để tôi hiểu hơn về công tác kế toán tại đơn vị. Ngoài ra, bộ phận kế toán đã cung cấp các thông tin và số liệu cần thiết cho tôi để thực hiện đề tài.

Được có thể hoàn thiện được bài khóa luận, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Thạc sĩ Trần Thị Thanh Nhân. Cô đã luôn tận tình giúp đỡ tôi trong việc đưa ra các nhận xét, góp ý và sửa chữa rất kỹ lưỡng.

Mặc dù trong quá trình thực tập, tôi đã cố gắng học hỏi và trau dồi thêm kiến thức nhưng do thời gian còn hạn chế, kinh nghiệm và kiến thức của bản thân chưa nhiều, nên không thể tránh khỏi những sai sót. Tôi rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô để tôi có thể hoàn thiện hơn bài làm của mình cũng như hoàn thiện hơn về kiến thức bản thân.

Sau cùng, tôi xin chúc quý thầy cô Khoa Kế toán – Tài chính nói riêng, cùng toàn thể quý thầy cô toàn trường nói chung ngày càng dồi dào sức khỏe và nhà trường ngày càng thành công hơn nữa.

Huế, tháng 05 năm 2020

Sinh viên thực hiện

Lê Thị Na

Tailieu.vn
Trường Đại học Kinh tế Huế

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
CCDV	Cung cấp dịch vụ
GTGT	Giá trị gia tăng
K/c	Kết chuyển
KKTX	Kê khai thuế ng xuyên
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
NSNN	Ngân sách Nhà nước
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1. Bảng tình hình lao động Công ty TNHH Hiệp Thành năm 2017 – 2019	31
Bảng 2.2. Bảng tình hình tài sản, nguồn vốn Công ty TNHH Hiệp Thành năm.....	32
2017 – 2019	32
Bảng 2.3. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Hiệp Thành năm.....	34
2018 - 2019.....	34
Biểu mẫu 2.1: Hóa đơn GTGT số 634.....	38
Biểu mẫu 2.2: Sổ cái tài khoản 5111	38
Biểu mẫu 2.3: Hóa đơn GTGT số 632.....	44
Biểu mẫu 2.4: Sổ cái tài khoản 5118	45
Biểu mẫu 2.5: Phiếu xuất kho số 634.....	47
Biểu mẫu 2.6. Chứng từ ghi nhận thu công trình số NT00001	48
Biểu mẫu 2.7. Sổ cái tài khoản 632.....	49
Biểu mẫu 2.8: Phiếu chi số 301978	51
Biểu mẫu 2.9: Sổ cái tài khoản 641	52
Biểu mẫu 2.10: Phiếu chi số 190	54
Biểu mẫu 2.11: Sổ cái tài khoản 642	55
Biểu mẫu 2.12: Giấy báo có số NNTK0007V.....	57
Biểu mẫu 2.13: Sổ cái tài khoản 515.....	58
Biểu mẫu 2.14: Giấy báo nợ số UNC00016B	59
Biểu mẫu 2.15: Sổ cái tài khoản 635	60
Biểu mẫu 2.16. Hóa đơn GTGT số 651.....	62
Biểu mẫu 2.17: Phiếu thu số 651.....	62
Biểu mẫu 2.18: Sổ cái tài khoản 711	63
Biểu mẫu số 2.19: Chứng từ kế toán	65
Biểu mẫu 2.20: Sổ cái TK811	66
Biểu mẫu 2.21: Tờ khai quyết toán thuế TNDN.....	66
Biểu mẫu 2.22. Sổ cái tài khoản 8211	69
Biểu mẫu 2.23. Sổ cái tài khoản 911	72

DANH MỤC SỔ ĐỎ

Sổ đỏ 1.1. Sổ đỏ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10
Sổ đỏ 1.2. Sổ đỏ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	11
Sổ đỏ 1.3. Sổ đỏ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX	13
Sổ đỏ 1.5. Sổ đỏ hạch toán chi phí bán hàng	14
Sổ đỏ 1.6. Sổ đỏ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp	15
Sổ đỏ 1.7. Sổ đỏ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	16
Sổ đỏ 1.8. Sổ đỏ hạch toán chi phí hoạt động tài chính	17
Sổ đỏ 1.9. Sổ đỏ hạch toán thu nhập khác.....	17
Sổ đỏ 1.10. Sổ đỏ hạch toán chi phí khác	18
Sổ đỏ 1.11. Sổ đỏ hạch toán chi phí thu nhập TNDN hiện hành	19
Sổ đỏ 1.12. Sổ đỏ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	21
Sổ đỏ 2.1. Công cụ tài chính bộ máy Công ty TNHH Hiệp Thành.....	26
Sổ đỏ 2.2. Công cụ tài chính bộ máy kế toán Công ty TNHH Hiệp Thành	29
Sổ đỏ 2.3. Quy trình bán hàng trực tiếp tại Công ty TNHH Hiệp Thành	37
Sổ đỏ 2.4. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán	46
Sổ đỏ : 2.5. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng	50
Sổ đỏ 2.6. Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp	53
Sổ đỏ 2.7. Quy trình hạch toán doanh thu tài chính	56
Sổ đỏ 2.8. Quy trình hạch toán chi phí tài chính	59
Sổ đỏ 2.9. Quy trình hạch toán thu nhập khác	61
Sổ đỏ 2.10. Quy trình hạch toán chi phí khác	64

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....i

DANH MỤC BẢNG, BIỂUii

DANH MỤC SƠ ĐỒ iii

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ 1

I.1. Tính cấp thiết của đề tài 1

I.2. Mục tiêu nghiên cứu..... 2

I.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... 2

I.4. Phương pháp nghiên cứu..... 3

I.5. Kết cấu khóa luận..... 4

I.6. Các nghiên cứu có liên quan 4

PHẦN 2: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU..... 5

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH

KẾT QUẢ KINH DOANH 5

1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh..... 5

1.1.1. Các khái niệm liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh 5

1.1.1.1. Các khái niệm liên quan đến doanh thu..... 5

1.1.1.2. Các khái niệm liên quan đến xác định kết quả kinh doanh 6

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh 8

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh..... 8

1.2. Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp 9

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 9

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 11

1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... 11

1.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán 12

1.2.3.2. Kế toán chi phí bán hàng 14

1.2.3.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp 15

1.2.3.4. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính 16

1.2.3.5. Kê toán doanh thu khác và thu nhập khác	17
1.2.3.6. Kê toán chi phí thu nhập doanh nghiệp	18
1.2.3.7. Kê toán xác định kết quả kinh doanh	20
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KÊ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HIỆP THÀNH	23
2.1. Khái quát về Công ty TNHH Hiệp Thành	23
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	23
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh	24
2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH Hiệp Thành	25
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Hiệp Thành	25
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	28
2.1.6. Tình quan và nguồn lực kinh doanh của Công ty TNHH Hiệp Thành năm 2017 – 2019	30
2.1.6.1. Tình hình lao động của công ty năm (2017 – 2019).....	30
2.1.6.2. Tình hình tài sản – nguồn vốn của Công ty TNHH Hiệp Thành năm 2017 – 2019	32
2.1.6.3. Tình hình hoạt động của Công ty TNHH Hiệp Thành năm 2018 – 2019	33
2.2. Thực trạng về công tác kê toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiệp Thành	34
2.2.1. Kê toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.....	34
2.2.2. Kê toán các khoản giảm trừ doanh thu	45
2.2.3 Kê toán xác định kết quả kinh doanh.....	45
2.2.2.1. Kê toán giá vốn hàng bán	45
2.2.3.2. Kê toán chi phí bán hàng	49
2.2.3.3. Kê toán chi phí quản lý doanh nghiệp	53
2.2.3.4. Kê toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính	56
2.2.3.5. Kê toán thu nhập khác và chi phí khác	61
2.2.3.6. Kê toán chi phí thu nhập TNDN.....	66
2.2.3.7. Kê toán xác định kết quả kinh doanh	69

CHƯƠNG 3: MÔ TẢ GIỚI THIỆU PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HỢP THÀNH.....	73
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán của công ty	73
3.1.1. Ưu điểm.....	73
3.2. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hợp Thành	75
3.2.1. Ưu điểm.....	75
3.2.2. Hạn chế.....	76
3.3. Các biện pháp nhằm nâng cao công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hợp Thành.....	76
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	77
III.1. Kết luận.....	78
III.2. Kiến nghị.....	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	80
PHỤ LỤC	

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

I.1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong mọi doanh nghiệp, bộ phận kế toán là nơi tiếp nhận các thông tin kinh tế - tài chính và phản ánh kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận rất quan trọng và có mối liên hệ mật thiết với hầu hết các hoạt động của doanh nghiệp. Thông tin về doanh thu và chi phí được kế toán tập hợp từ những nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh trong kỳ và phân bổ vào các tài khoản một cách hợp lý. Kết quả cuối cùng được thể hiện ở các chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính.

Trong bối cảnh nền kinh tế cạnh tranh và nguồn lực khan hiếm, việc tìm cách giúp tăng trưởng doanh thu, tối ưu hóa chi phí và đạt được hiệu quả cao nhất trong kinh doanh đang là vấn đề được các nhà quản trị ngày càng quan tâm. Để tồn tại và tìm kiếm chỗ đứng trên thị trường, các công ty cần có chiến lược kinh doanh phù hợp giúp họ ứng phó với những thay đổi nhanh chóng. Chính vì thế các thông tin về doanh thu, chi phí và lợi nhuận đóng vai trò không thể thiếu trong việc ra quyết định và hoạch định chiến lược phát triển.

Doanh thu, chi phí và lợi nhuận không chỉ có tác động đến các quyết định của nhà quản trị mà còn ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư và thị trường về thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Việc phản ánh doanh thu và kết quả kinh doanh đòi hỏi phải có tính chính xác và kịp thời để không những phản ánh đúng đắn hiệu quả của hoạt động kinh doanh, mà còn cung cấp các thông tin cần thiết cho các đối tượng có liên quan. Chính vì vai trò quan trọng của doanh thu, chi phí và lợi nhuận, mà việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh luôn được chú trọng trong mọi doanh nghiệp.

Nhìn thấy được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, tôi đã lựa chọn tìm hiểu đề tài “Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hiệp Thành”. Công ty TNHH Hiệp Thành có lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính là thương mại và xây dựng, công tác kế toán doanh thu và

xác định kết quả kinh doanh còn phải tăng hợp doanh thu, chi phí tài nhiều nguồn khác nhau và phân bổ chi phí theo những tiêu thức phù hợp. Qua thực hiện đề tài, tôi hy vọng sẽ tìm hiểu và thấy được tầm quan trọng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty để từ đó đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao công tác kế toán tại công ty.

I.2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài “Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiệp Thành” được thực hiện với các mục tiêu sau:

+ Mục tiêu tổng quát: Tìm hiểu công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiệp Thành;

+ Mục tiêu cụ thể: Đề tài sẽ tiến hành nghiên cứu trên các mục tiêu cụ thể như sau:

- *Thứ nhất*: Nhận明 hợp thống kê và làm sáng tỏ cơ sở lý luận về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp

- *Thứ hai*: Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiệp Thành

- *Thứ ba*: Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiệp Thành

I.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:**

Khóa luận tập trung nghiên cứu về thực trạng thực hiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiệp Thành.

- **Phạm vi nghiên cứu:**

- **Không gian nghiên cứu:**

Đề tài thực hiện nghiên cứu tại Công ty TNHH Hiệp Thành, cụ thể là bộ phận kế toán của công ty;

- Thời gian nghiên cứu:

- + Dữ liệu tài liệu nghiên cứu trong khoảng thời gian từ ngày 30/12/2019 đến 19/4/2020;
- + Số liệu mô tả các nghiệp vụ và doanh thu và xác định kết quả kinh doanh được thu thập trong năm 2019;
- + Số liệu phân tích tình hình tài sản – nguồn vốn và kết quả kinh doanh được thu thập qua trong ba năm 2017 – 2019;
- + Số liệu phân tích tình hình lao động được thu thập trong ba năm 2017 – 2019.

• Nội dung nghiên cứu:

- + Dữ liệu tập trung nghiên cứu quy trình hạch toán và tập hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh với số liệu thu thập trong năm 2019.
- + Đề ra các nhận xét và đề xuất, nhận xét của công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty và đề ra một số giải pháp nâng cao công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

Để có thể đạt được các mục tiêu đã đề ra khi thực hiện đề tài “Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiệp Thành”, tôi đã kết hợp sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính trong bài như sau:

- Phương pháp thu thập số liệu: Trong quá trình thực tập, bằng việc quan sát và thu thập thông tin qua việc trao đổi với nhân viên kế toán tổng hợp là chị Nguyễn Thị Thu Hòa, kết hợp với phương pháp nghiên cứu tài liệu, tôi đã thu thập được các nguồn số liệu cần thiết cho việc thực hiện đề tài.

- Phương pháp phân tích và xử lý số liệu: Trong quá trình thực tập, từ các số liệu đã thu thập, tôi đã sử dụng các phương pháp xử lý số liệu và so sánh để phân tích số biến động của tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí của công ty. Kết hợp với phương pháp tổng hợp số liệu về doanh thu, chi phí để đưa vào các nghiệp vụ và số sách liên quan để minh họa làm rõ đề tài.

I.5. Kết cấu khóa luận

Kết cấu khóa luận bao gồm 03 phần

- **Phần I: Đặt vấn đề**

- **Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu**

+ Chương 1: Cơ sở lý luận và kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tài doanh nghiệp

+ Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiệp Thành

+ Chương 3: Một số giải pháp góp phần nâng cao công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiệp Thành

- **Phần III: Kết luận và kiến nghị**

I.6. Các nghiên cứu có liên quan

Đề tài kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tài doanh nghiệp là một đề tài đã rất quen thuộc và có nhiều đề tài cùng ngành nghề liên quan đến đó. Một số đề tài tham khảo trong quá trình làm bài như: Đề tài “*Kế toán doanh thu tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiệp Thành*” - sinh viên Nguyễn Thị Hoàng (2015). Đề tài “*Kế toán doanh thu tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hiệp Thành*” - sinh viên Trần Phương Anh (2017). Nhìn chung, các đề tài này đều thuộc về đề tài các nội dung như: Khái quát cơ sở lý luận và kế toán doanh thu tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, kết quả nghiên cứu tài đề tài, đưa ra các nhận xét và kiến nghị. Điểm khác biệt đề tài của tôi và các đề tài trước là tôi đã thể hiện được quy trình luân chuyển nghiệp vụ của hoạt động bán hàng tại Công ty TNHH Hiệp Thành. Bên cạnh đó, đề tài của tôi đã đưa vào các thao tác nhập liệu và hạch toán doanh thu và chi phí trên phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 R38.2 mà công ty đang sử dụng và trình bày được cách hạch toán giá vốn công trình.

PHẦN 2: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Các khái niệm liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1.1. Các khái niệm liên quan đến doanh thu

➤ **Khái niệm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được từ các hoạt động kinh doanh của các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có). (Trần Đình Phụng (2012). Nguyên lý kế toán. TP. Hồ Chí Minh: NXB: Phương Đông)

➤ **Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu:**

Theo Điều 81, Thông tư 200/2014/TT-BTC: Các khoản giảm trừ doanh thu dùng để phản ánh các khoản được trừ để tính doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thu được từ việc giảm trừ vào doanh thu như thu GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trừ giá trị.

+ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn.

+ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

+ **Hàng bán bị trả lại:** Phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vì phẩm cam kết, vì phẩm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại và quy cách.

1.1.1.2. Các khái niệm liên quan đến xác định kết quả kinh doanh

Khái niệm giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán là giá gốc của sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. (Trần Đình Phụng (2012). Nguyên lý kế toán. TP. Hồ Chí Minh: NXB: Phụng Đông)

Khái niệm chi phí bán hàng: Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ bao gồm chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vận chuyển, bao bì, chi phí đóng gói, đóng gói, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác. (Trần Đình Phụng (2012). Nguyên lý kế toán. TP. Hồ Chí Minh: NXB: Phụng Đông)

Khái niệm chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí QLDN gồm các khoản chi phí quản lý kinh doanh, chi phí quản lý hành chính và các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của công ty doanh nghiệp. Chi phí QLDN được kế toán chi tiết theo các nội dung khoản mục chi phí như: Chi phí thuê nhà, BHXH, kinh phí công đoàn, BHYT, chi phí vận chuyển, chi phí khấu hao TSCĐ,... (Trần Đình Phụng (2012). Nguyên lý kế toán. TP. Hồ Chí Minh: NXB: Phụng Đông)

Khái niệm doanh thu tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh vốn trong kỳ kế toán như doanh thu từ các khoản lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia,... (Trần Đình Phụng (2012). Nguyên lý kế toán. TP. Hồ Chí Minh: NXB: Phụng Đông)

Khái niệm chi phí hoạt động tài chính: Chi phí hoạt động tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí cho các khoản liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lợi chuyển nhượng công nợ khoản ngắn hạn, chi phí giao dịch bán công nợ, khoản nộp và hoàn nộp để phòng giảm giá đầu tư công nợ, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,... (Trần Đình Phụng (2012). Nguyên lý kế toán. TP. Hồ Chí Minh: NXB: Phụng Đông)

Khái niệm thu nhập khác: Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động thường ra doanh thu của doanh nghiệp như: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xóa lý xóa sổ, các khoản thu được NSNN hoàn lại, khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ, các khoản tiền thưởng, quà biếu, thu nhập thu được các năm trước bị bỏ sót,... (Trần Đình Phóng (2012). Nguyên lý kế toán. TP. Hồ Chí Minh: NXB: Phóng Đông)

Khái niệm chi phí khác: Chi phí khác là các khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. (Trần Đình Phóng (2012). Nguyên lý kế toán. TP. Hồ Chí Minh: NXB: Phóng Đông)

Khái niệm chi phí thu nhập TNDN: Là số thu nhập TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thu suất thuế thu nhập. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại. (Trần Đình Phóng (2012). Nguyên lý kế toán. TP. Hồ Chí Minh: NXB: Phóng Đông)

Khái niệm xác định kết quả kinh doanh: Là việc tính toán, so sánh tổng thu nhập thuần từ các hoạt động với tổng chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí khác trong kỳ. Nếu tổng thu nhập thuần lớn hơn tổng chi phí trong kỳ thì doanh nghiệp có kết quả lãi, ngược lại là lỗ. (Trần Đình Phóng (2012). Nguyên lý kế toán. TP. Hồ Chí Minh: NXB: Phóng Đông)

Theo điều 96 Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định về xác định kết quả kinh doanh như sau:

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trừ giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt

đồng, chi phí thanh lý, nhúng bán bất đồng sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập cộng hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thu nhập doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp đóng một vai trò rất quan trọng, giúp phản ánh tình hình kinh doanh trong từng thời kỳ. Các thông tin về doanh thu và kết quả kinh doanh cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí để nhà quản trị đưa ra được các chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong tương lai. Kết quả cuối cùng của quá trình hoạt động kinh doanh luôn là lợi nhuận, thông tin này không chỉ có ảnh hưởng trực tiếp đến các loại thuế mà doanh nghiệp phải nộp mà ngoài ra còn tác động lớn đến việc thu hút đầu tư.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có các nhiệm vụ như sau:

- Phản ánh kịp thời, chính xác tình hình xuất bán hàng hóa, thành phẩm, tình hình thanh toán với người mua, người bán theo từng phương thức bán hàng và phương thức thanh toán khác nhau;

- Theo dõi chi tiêu, riêng biệt từng loại doanh thu nhằm phản ánh kịp thời, chi tiêu, để kết quả kinh doanh làm căn cứ lập báo cáo tài chính;

- Tập hợp đầy đủ giá vốn hàng bán, các loại chi phí như chi phí bán hàng, chi phí quản lý, các loại chi phí khác và phân bổ các loại chi phí cần phân bổ theo các tiêu thức phân bổ hợp lý;

- Lựa chọn phương pháp xác định giá vốn phù hợp để đảm bảo được chính xác của chi tiêu lãi gộp;

- Tham gia hoạt động kiểm kê, đánh giá và lập báo cáo tình hình tiêu thụ sản phẩm;

- Xác lập đúng quá trình luân chuyển công nợ và kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh;

- Xác định chính xác kết quả kinh doanh theo từng thời kỳ và giám sát việc thực hiện nghĩa vụ theo đúng quy định của Nhà nước;

- Lập báo cáo kết quả kinh doanh theo đúng tiến độ quy định, thực hiện phân tích kết quả kinh doanh tham mưu cho Ban lãnh đạo để có biện pháp nâng cao lợi nhuận trong tương lai.

1.2. Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Theo VAS 14 – Doanh thu và thu nhập khác ban hành và công bố theo Quyết định 149/2001/QĐ-BTC quy định doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

+ Doanh nghiệp đã hoàn thành thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

+ Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp hợp giao dịch và cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định thông qua đơn giá cố định. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

+ Doanh nghiệp đã hoàn thành thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

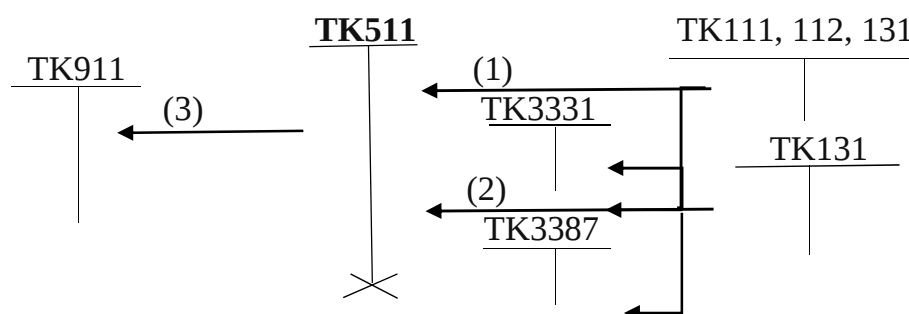
- Chứng từ kế toán:

- + Hợp đồng kinh tế;
- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu thu, giấy báo có...;

- **Tài khoản sổ debet:** TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Sổ sách sổ debet:** Sổ Nhật ký chung; sổ cái TK511, sổ chi tiết

- Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ